

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **394/2019/DS-ST**

Ngày 25/11/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Quý

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hoàng Lan Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim V*, sinh năm: 1952 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện CT, TG

2. *Bị đơn: Nguyễn Thị T*, sinh năm: 1959 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện CT, TG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Trong đơn khởi kiện ngày 26/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim V trình bày:

Bà có tham gia 02 dây hụi do bà T làm chủ. Hai dây hụi khai một ngày là 10/9/2014 al (tháng 9 trước), mỗi dây gồm 28 phần, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần. Sau khi tham gia hụi bà đã đóng hụi đầy đủ hàng tháng, mỗi tháng đóng là 1.600.000 đồng, bà đóng được 17 tháng, sau đó thì bà T không có đi gom hụi nên bà hỏi thăm thì biết là hụi đã bị bể. Sau đó bà và bà T có thỏa thuận bà T

trả lại tiền vốn hội đã đóng cho bà, nhưng khoảng một năm sau bà T mới trả cho bà được 14.400.000 đồng, còn lại không trả nữa kéo dài đến nay. Bà có thưa ra áp giải quyết, bà T đồng ý trả tiếp phần còn lại cho bà nhưng vẫn không trả nên bà mới khởi kiện.

Bà xác định bà đã đóng 17 tháng là 27.200.000 đồng, bà T đã trả 14.400.000 đồng nên còn lại 12.800.000 đồng, yêu cầu bà T trả cho bà làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà V có tham gia 02 dây hội do bà làm chủ như bà V trình bày. Bà V chỉ mới đóng hội được 14 tháng thì bà ngưng hội do một số hội viên hốt hội mà không chịu đóng hội, bà hết khả năng choàng nên quyết định ngưng hội và trả lại tiền vốn cho những người chơi. Phần của bà V là 22.400.000 đồng, bà đã giao được là 14.950.000 đồng, nên còn lại là 7.450.000 đồng. Việc bà giao tiền cho bà V không có giấy tờ gì nhưng bà có về nhà viết vào tờ lịch để ghi nhớ sự việc; đối với việc đóng hội thì bà có ghi sổ theo dõi hội và có ghi chú người hốt, tổng cộng mới hốt có 14 phần và đến tháng 9/2015 al. Nay bà đồng ý trả cho bà V số tiền 7.450.000 đồng nhưng xin trả trong thời hạn 05 tháng

Tại phiên tòa, bà V đồng ý đã đóng hội là 14 tháng, xác định bà T đã trả được 14.600.000 đồng, yêu cầu bà T trả số tiền còn lại 7.800.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật; bà T đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà V nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng.

***Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đối với đương sự: các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bà T trả cho bà V số tiền 7.800.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về nội dung tranh chấp:*

Theo Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị T trình bày thống nhất: ngày 10/9/2014 al (tháng 9 trước) bà V có tham gia hai dây hui do bà T làm chủ, mỗi dây hui gồm 28 phần, mỗi phần là 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, bà V đã đóng được 14 tháng, mỗi tháng đóng 1.600.000 đồng với số tiền là 22.400.000 đồng, do đó đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tiền đã trả, bà V cho rằng bà T mới trả được 14.600.000 đồng, bà T cho rằng đã trả được 14.950.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa, bà T đồng ý với lời trình bày của bà V, thừa nhận mới trả được 14.600.000 đồng cho bà V và còn nợ lại là 7.800.000 đồng, đồng ý trả số tiền này cho bà V.

Về thời hạn trả, bà V yêu cầu bà T trả số tiền 7.800.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, bà T xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn. Ý kiến của bà T không được bà V chấp nhận, đồng thời số tiền nợ đã lâu, kéo dài sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V, do đó cần buộc bà T trả tiền cho bà V khi án có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ Điều 12, 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 92, Điều 147, Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 471, 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim V.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Nguyễn Thị Kim V số tiền 7.800.000 đồng. Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả Tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim V số tiền tạm ứng án phí 400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 01142 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Bảnh